

V.ROHTO COOL
NHÃN HỘP



SDK:
TCCL: TCCS

Mở tại đây ▼

Hộp 1 lọ
12 ml

THUỐC NHỎ MẮT **V.ROHTO® COOL**

Giúp loại trừ chứng mỏi mắt, đỏ mắt và ngứa mắt.

- Thúc đẩy quá trình hô hấp giác mạc, cải thiện tình trạng mỏi mắt với Potassium L-Aspartate, Vitamin B6.
- Phòng ngừa xung huyết kết mạc với Tetrahydrozoline Hydrochloride.
- Giảm ngứa mắt với chất kháng Histamine - Chlorpheniramine Maleate.
- Chống kích ứng, làm lạnh biểu mô giác mạc bị tổn thương với Allantoin.



Sản xuất bởi: **CÔNG TY TNHH ROHTO-MENTHOLATUM (VIỆT NAM)**
Số 16 VSIP, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore,
thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Trụ sở chính: **ROHTO PHARMACEUTICAL CO., LTD.**
SINGAPORE

CHỈ ĐỊNH:
Mỏi mắt, xung huyết kết mạc, ngứa mắt, phòng ngừa các bệnh về mắt (do khô) hoặc cứu trợ khi mắt bị kích ứng. Dùng để điều trị các bệnh về mắt do viêm do tia tử ngoại hoặc các tác nhân khác (như mù tuyết), viêm mi mắt, mắt đỏ do dị ứng.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:
Không dùng cho người bị tăng nhãn áp và mắt cảm với các thành phần của thuốc.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:
Mỗi ngày nhỏ 5-6 lần, mỗi lần 2-3 giọt.
CHỮA CHỖ: 5-6 giờ làm 1 lần.
• Đóng lọ không để mở trước khi dùng.
• Các thông tin khác về nhãn xem trong tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo.
• Bảo quản nơi khô mát (dưới 30 °C), tránh ánh nắng trực tiếp.
• Số 6 NSX, HSD. Xem trên bao bì.

V.ROHTO®
COOL

EYE DROPS®
V.ROHTO® COOL

Multi-formulation for
tired eye,
red eye,
itchy eye relief



Trị mỏi mắt, đỏ mắt, ngứa mắt

THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT (trong 12 ml):
Pyridoxine Hydrochloride 12,0 mg
(Vitamin B6)
Potassium L-Aspartate 120,0 mg
Chlorpheniramine Maleate 3,6 mg
Allantoin 24,0 mg
Tetrahydrozoline Hydrochloride 6,0 mg

V.ROHTO®
COOL



NSX:
HSD:
Số lô SX:

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Lần đầu: 19/09/2017

TN-2824T
VD-28602-17/159



V.ROHTO COOL
NHÃN LỘ



100%



200%



bn



TUẦN CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Minh Hoàng



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH

THUỐC NHỎ MẮT
COOL



Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Giúp loại trừ chứng mỏi mắt, đỏ mắt và ngứa mắt.



Cách mở nắp:
Xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ



Cách đóng nắp:
Áp nắp xuống cho đến khi nghe tiếng "tách"



Hãy cầm bên hông, giữ chai thẳng đứng khi mở nắp. Không ấn mạnh vào giữa chai để tránh sản phẩm tràn ra ngoài.

Thật tiện lợi, có thể nhỏ mắt ở mọi góc độ khác nhau.

THÀNH PHẦN, HÀM LƯỢNG

Hoạt chất: mỗi lọ 12 ml chứa

- Chlorpheniramine Maleate.....3,6 mg
- Tetrahydrozoline Hydrochloride.....6,0 mg
- Pyridoxine Hydrochloride.....12,0 mg
- Allantoin.....24,0 mg
- Potassium L-Aspartate.....120,0 mg

Tá dược:

Boric Acid, Sodium Borate, l-Menthol, d-Camphor, Hydroxypropyl Methylcellulose, Benzalkonium Chloride Concentrated Solution 50, Chlorobutanol, Polyoxyethylene Hydrogenated Castor Oil 60, nước tinh khiết.

MÔ TẢ SẢN PHẨM

Dung dịch nhỏ mắt.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 1 lọ 12 ml.

THUỐC DÙNG CHO BỆNH GÌ

Mỏi mắt, sung huyết kết mạc, ngứa mắt, phòng ngừa các bệnh về mắt (sau khi bơi hoặc do bụi, mồ hôi rơi vào mắt), cảm giác khó chịu khi đeo kính tiếp xúc cứng, mắt bị viêm do tia tử ngoại hoặc các tia sáng khác (như mù tuyết), viêm mí mắt, mắt mờ do tiết dịch.

NÊN DÙNG THUỐC NÀY NHƯ THẾ NÀO VÀ LIỀU LƯỢNG

Mỗi ngày nhỏ 5-6 lần, mỗi lần 2-3 giọt.

KHI NÀO KHÔNG NÊN DÙNG THUỐC NÀY

Không nên dùng thuốc V.ROHTO COOL nếu bạn bị tăng nhãn áp hoặc mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Thuốc có thể gây dị ứng như ngứa mắt, sung huyết trong một số trường hợp. Nếu tình trạng kéo dài hoặc trở nên nặng hơn, hoặc bạn thấy bất kỳ tác dụng không mong muốn nào chưa được đề cập trong tờ hướng dẫn này, hãy ngừng sử dụng và thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ.

NÊN TRÁNH DÙNG NHỮNG THUỐC HOẶC THỰC PHẨM GÌ KHI ĐANG SỬ DỤNG THUỐC NÀY

Thuốc nhỏ mắt có tác động tại chỗ, chưa có tài liệu báo cáo về tương tác thuốc.

CẦN LÀM GÌ KHI MỘT LẦN QUÊN KHÔNG DÙNG THUỐC

Dùng liều đó ngay khi nhớ ra. Tuy nhiên, nếu gần với liều kế tiếp, hãy bỏ qua liều đã quên và tiếp tục lịch trình dùng thuốc theo chỉ dẫn. Không dùng liều gấp đôi để bù cho liều bỏ lỡ.

BẢO QUẢN THUỐC

Bảo quản nơi khô mát (dưới 30 °C), tránh ánh nắng trực tiếp.

NHỮNG DẤU HIỆU VÀ TRIỆU CHỨNG KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU

Sử dụng quá liều có thể gây ngứa mắt, sung huyết (đỏ mắt).

CẦN PHẢI LÀM GÌ KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU KHUYẾN CÁO

Khi xảy ra triệu chứng do dùng thuốc quá liều, có thể rửa mắt với nước ấm sạch để loại bỏ thuốc.

NHỮNG ĐIỀU THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC NÀY

1. Lưu ý chung:

- Chỉ dùng thuốc này để nhỏ mắt.
- Thuốc có chứa Benzalkonium Chloride có thể làm biến màu kính áp tròng mềm. Tránh tiếp xúc với kính áp tròng mềm. Nên tháo kính áp tròng trước khi nhỏ thuốc và chờ ít nhất 15 phút để đeo kính trở lại.
- Benzalkonium Chloride có thể gây kích ứng mắt.
- Không để mí mắt chạm vào miệng lọ để tránh nhiễm trùng hoặc làm vẩn đục dung dịch do các chất tiết hoặc mủ vi sinh vật.
- Không dùng chung lọ thuốc với người khác để tránh lây nhiễm.
- Một vài hoạt chất có thể kết tinh ở miệng lọ do điều kiện bảo quản thuốc, hãy lau miệng lọ bằng gạc sạch trước khi dùng.

2. Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Chưa có ghi nhận về bất kỳ trường hợp ảnh hưởng nào tới phụ nữ có thai và cho con bú cũng như thai nhi.

3. Ảnh hưởng của thuốc đối với công việc (người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác):

Chưa ghi nhận được báo cáo phản ứng bất lợi hoặc chưa có nghiên cứu nào về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng vận hành máy móc, lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác.

CÁC TRƯỜNG HỢP CẦN THAM VẤN BÁC SĨ HOẶC DƯỢC SĨ

- Đang theo một quá trình điều trị.
- Có tiền căn dị ứng với thuốc nhỏ mắt.
- Đau mắt nặng.
- Tăng nhãn áp.
- Tình trạng mờ mắt không được cải thiện.
- Các triệu chứng không thuyên giảm sau 5 - 6 ngày sử dụng thuốc.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

HẠN DÙNG CỦA THUỐC

- 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Sau khi mở nắp, nên sử dụng càng nhanh càng tốt vì thuốc có thể bị lây nhiễm trong khi sử dụng.
- Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.

NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT LẠI NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ

DƯỢC LỰC HỌC, DƯỢC ĐỘNG HỌC

1. Dược lực học:

- Tetrahydrozoline Hydrochloride** là chất kích thích thần kinh giao cảm, khi tiếp xúc với niêm mạc mắt sẽ gây co mạch, làm giảm sung huyết tại chỗ và có tác dụng kéo dài.
- Chlorpheniramine Maleate** là chất kháng histamine, trị đau mắt đỏ, ngứa mắt.
- Allantoin** có tính chất chống kích ứng tạm thời hiệu quả và giúp làm lành biểu mô giác mạc bị tổn thương bởi khả năng kích thích phát triển mô mới.
- Pyridoxine Hydrochloride (Vitamin B6)** đóng vai trò như những coenzyme trong quá trình trao đổi chất của các acid amin, do đó gia tăng sự trao đổi chất của tế bào mắt. Pyridoxine Hydrochloride có tác dụng đối với viêm bờ mí và viêm kết mạc.
- Potassium L-Aspartate** làm tăng sự tiêu thụ oxy và hoạt hóa quá trình trao đổi chất của các cơ mi mắt, cải thiện tình trạng mỏi mắt.

2. Dược động học:

Thuốc nhỏ mắt có tác động tại chỗ.

CHỈ ĐỊNH

Mỏi mắt, sung huyết kết mạc, ngứa mắt, phòng ngừa các bệnh về mắt (sau khi bơi hoặc do bụi, mồ hôi rơi vào mắt), cảm giác khó chịu khi đeo kính tiếp xúc cứng, mắt bị viêm do tia tử ngoại hoặc các tia sáng khác (như mù tuyết), viêm mí mắt, mắt mờ do tiết dịch.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG

Mỗi ngày nhỏ 5-6 lần, mỗi lần 2-3 giọt.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Không dùng cho người bị tăng nhãn áp hoặc mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Thuốc có chứa Benzalkonium Chloride có thể làm biến màu kính áp tròng mềm. Tránh tiếp xúc với kính áp tròng mềm. Nên tháo kính áp tròng trước khi nhỏ thuốc và chờ ít nhất 15 phút để đeo kính trở lại.
- Benzalkonium Chloride có thể gây kích ứng mắt.
- Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:**
Chưa có ghi nhận về bất kỳ trường hợp ảnh hưởng nào tới phụ nữ có thai và cho con bú cũng như thai nhi.
- Ảnh hưởng của thuốc đối với công việc (người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác):**
Chưa ghi nhận được báo cáo phản ứng bất lợi hoặc chưa có nghiên cứu nào về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng vận hành máy móc, lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác.

TƯƠNG TÁC CỦA THUỐC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC LOẠI TƯƠNG TÁC KHÁC

Thuốc nhỏ mắt có tác động tại chỗ, chưa có tài liệu báo cáo về tương tác thuốc.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Thuốc có thể gây dị ứng như ngứa mắt, sung huyết trong một số trường hợp.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Sử dụng quá liều có thể gây ngứa mắt, sung huyết. Nếu xảy ra, có thể rửa mắt với nước ấm sạch để loại bỏ thuốc.

CÁC DẤU HIỆU CẦN LƯU Ý VÀ KHUYẾN CÁO

- Chỉ dùng thuốc này để nhỏ mắt.
- Không để mí mắt chạm vào miệng lọ để tránh nhiễm trùng hoặc làm vẩn đục dung dịch do các chất tiết hoặc mủ vi sinh vật.
- Không dùng chung lọ thuốc với người khác để tránh lây nhiễm.
- Một vài hoạt chất có thể kết tinh ở miệng lọ do điều kiện bảo quản thuốc, hãy lau miệng lọ bằng gạc sạch trước khi dùng.

Bộ phận hỗ trợ khách hàng

(08) 3822 9322

Thời gian làm việc: 8:00 - 17:00
(trừ ngày lễ, thứ bảy, chủ nhật)

TCCL: TCCS

ROHTO

www.rohto.com.vn

Sản xuất bởi:

CTY TNHH ROHTO-MENTHOLATUM (VIỆT NAM)

Số 16 VSP, đường số 5, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore,
thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Đầu tư bởi:

ROHTO PHARMACEUTICAL CO., LTD.

OSAKA, JAPAN

